

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - HƯNG YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 06/01/2026

V/v "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con
khi ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Doanh và ông Nguyễn Quyết Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thảo - Thư ký TAND khu vực 4 - Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Hưng Yên tham gia phiên tòa:
Bà Dương Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình, thụ lý số: 134/2025/TLST-HNGĐ ngày 03/11/2025, về việc "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/12/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2025/QĐST-HNGĐ ngày 22/12/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị T**, sinh năm 1997.

HKTT: Thôn H, xã P, tỉnh Hưng Yên.

2. Bị đơn: Anh **Bùi Ngô V**, sinh năm 1988.

HKTT: Thôn H, xã P, tỉnh Hưng Yên.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Cháu Bùi Tâm A, sinh ngày: 24/5/2020.

- Cháu Bùi Ngô T1, sinh ngày: 02/8/2022.

Người đại diện hợp pháp của các cháu là bố mẹ đẻ: anh Bùi Ngô V và chị Phạm Thị T.

4. Người làm chứng:

- Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, tỉnh Hưng Yên.

Tại phiên tòa: Chị T và anh V, đều vắng mặt và đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Cháu A, cháu T1 và ông Đ, đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện và biên bản lấy lời khai, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Ngô V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã C, huyện V, tỉnh Hưng Yên (nay là UBND xã P, tỉnh Hưng Yên) vào ngày 23/5/2019. Sau khi cưới, vợ chồng về chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh V ở xã P. Chị hiện đang kinh doanh hàng ăn với thu nhập khoảng 15.000.000 đồng/tháng.

Thời gian đầu sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng tương đối bình thường, thỉnh thoảng có xảy ra một số mâu thuẫn, cãi cọ nhưng vẫn trong giới hạn có thể chấp nhận được. Tuy nhiên, từ khoảng năm 2020, mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Anh V thường xuyên đánh đập chị và các con, luôn nghi ngờ, kiểm soát mọi thứ về cuộc sống và công việc của chị, ảnh hưởng nghiêm trọng đến công việc và các mối quan hệ xã hội của chị, khiến cuộc sống gia đình trở nên rất ngột ngạt, không thể chịu đựng được.

Do những mâu thuẫn không thể hòa giải và tình trạng bạo hành ngày càng nghiêm trọng, vợ chồng đã quyết định ly thân từ ngày 17/8/2025. Thời gian vợ chồng sống ly thân đã hơn 3 tháng, chị xác định không còn tình cảm gì với anh V, không thể tiếp tục chung sống được nữa. Hôn nhân thực chất chỉ tồn tại trên danh nghĩa chứ không có hạnh phúc. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V.

Về con chung: Chị và anh V có hai con chung là cháu Bùi Tâm A, sinh ngày 24/5/2020 và cháu Bùi Ngô T1, sinh ngày 02/8/2022. Chị đề nghị được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 cháu đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, công sức và đất nông nghiệp: Vợ chồng chị không có gì chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Bùi Ngô V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận có kết hôn hợp pháp với chị Phạm Thị T ngày 23/5/2019 tại UBND xã C (nay là UBND xã P).

Thời gian đầu sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng tương đối bình thường, thỉnh thoảng vợ và mẹ đẻ anh có xảy ra một số mâu thuẫn, cãi cọ nhưng vẫn trong giới hạn có thể chấp nhận được. Đến năm 2022, do vợ anh và mẹ anh mâu thuẫn trầm trọng mà anh không giải quyết được nên anh cùng vợ có chuyển ra ngoài thuê nhà ở riêng, hai vợ chồng có thuê quán để bán hàng và chung sống tại đó.

Trong thời gian chung sống, hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do công việc của anh đi làm không cố định giờ giấc, đi sớm về khuya nên không đảm bảo được việc đưa đón con học hành và một số mâu thuẫn về quan điểm làm ăn kinh tế. Bản thân anh cũng tự nhận thấy anh là người nóng tính, hay ghen tuông vô cớ, nên vợ chồng có va chạm xô xát, cãi nhau to tiếng nhưng anh khẳng định anh vẫn có tình cảm, luôn yêu vợ, thương con. Nhiều lần anh cũng tìm cách hòa giải để vợ chồng cùng chung sống hạnh phúc, nuôi dạy con cái nhưng chị T không đồng ý.

Quan điểm của anh là anh không muốn ly hôn. Anh đề nghị Tòa án tiếp tục tiến hành hòa giải để vợ chồng anh hàn gắn tình cảm, tiếp tục chung sống.

Về con chung: Anh xác nhận có 02 con chung với chị T. Trong trường hợp chị T cương quyết không muốn hòa giải mà vẫn xin Tòa án giải quyết ly hôn thì anh có nguyện vọng được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, công sức, đất nông nghiệp: Anh và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Người làm chứng ông Phạm Văn Đ - bố đẻ chị T cho biết:

Chị T và anh V quen biết, tìm hiểu nhau rồi tiến tới hôn nhân. Gia đình hai bên đều đồng ý và có tổ chức đám cưới cho anh chị theo phong tục truyền thống với mong muốn anh chị chung sống hạnh phúc, ổn định. Sau khi kết hôn vào năm 2019, chị T về sống cùng gia đình anh V tại thôn H, xã P.

Thời gian đầu sau khi kết hôn, ông thấy vợ chồng chị T và anh V sống tương đối bình thường, thỉnh thoảng có xảy ra một số mâu thuẫn, cãi cọ nhưng vẫn trong giới hạn có thể chấp nhận được.

Tuy nhiên, từ khoảng năm 2020, ông bắt đầu nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T và anh V ngày càng trầm trọng hơn. Anh V thường xuyên bạo hành, đánh đập con gái ông nhiều lần. Anh V luôn nghi ngờ, kiểm soát mọi thứ về cuộc sống và công việc của con gái ông, khiến cuộc sống gia đình trở nên rất ngột ngạt.

Đặc biệt nghiêm trọng, vào đầu năm 2024, anh V đã đánh con gái ông gây thương tích nặng, làm chị T bị gãy tay. Do những mâu thuẫn không thể hòa giải và tình trạng

bạo hành ngày càng nghiêm trọng, vợ chồng chị T và anh V đã quyết định ly thân từ khoảng tháng 8/2025.

Gần đây nhất, vào ngày 24/11/2025, anh V lại tiếp tục đánh đập con gái ông. Hậu quả của việc bị bạo hành kéo dài, hiện tại chị T đang phải nằm điều trị tại Khoa Tâm thần của Bệnh viện B do tinh thần bất ổn, kích động mạnh.

Là bố đẻ của chị T, ông đã chứng kiến con gái mình bị bạo hành, đánh đập suốt nhiều năm qua. Ông hoàn toàn ủng hộ quyết định ly hôn của con gái. Đồng thời, ông mong muốn và đề nghị Tòa án xem xét cho chị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả 2 cháu. Bởi vì anh V có tính cách hung bạo, thường xuyên đánh đập vợ con, không phù hợp để nuôi dạy các cháu.

Về vấn đề tài sản chung, công nợ, đất đai và những vấn đề tài chính khác giữa chị T và anh V, ông không có liên quan gì, không nắm rõ và không có ý kiến gì. Ông xin vắng mặt khi Tòa án hòa giải, xét xử vụ án do còn bận công việc gia đình.

4. Kết quả xác minh tại UBND xã P thể hiện:

Anh Bùi Ngô V, sinh năm 1988 và chị Phạm Thị T, sinh năm 1997 đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã C, huyện V, tỉnh Hưng Yên (*nay là UBND xã P, tỉnh Hưng Yên*) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 25 ngày 23/5/2019. Vợ chồng có 02 con chung là cháu Bùi Tâm A, sinh ngày 24/5/2020 và cháu Bùi Ngô T1, sinh ngày 02/8/2022. Quá trình chung sống vợ chồng mâu thuẫn ra sao chính quyền địa phương không nắm được. Các vấn đề về tài sản, công nợ, công sức của vợ chồng chính quyền địa phương không nắm được.

5. Kết quả xác minh tại Thôn H, xã P thể hiện:

Anh Bùi Ngô V, sinh năm 1988 là con ông Bùi Ngô N (đã chết) và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1956, thường trú tại thôn H, xã P. Anh V có vợ là chị Phạm Thị T, có 02 con chung gồm cháu Bùi Tâm A và cháu Bùi Ngô Thịnh. Ban đầu, chị T và các con có sinh sống cùng anh V tại thôn H. Tuy nhiên, thời gian gần đây chị T đã không còn sinh sống tại đây nữa, hiện các cháu vẫn đang ở cùng bố là anh V và mẹ anh V. Về tình hình hôn nhân gia đình, trong thời gian chung sống vợ chồng anh V và chị T có xảy ra mâu thuẫn hay không và mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không nắm được do thuộc phạm vi riêng tư của gia đình. Trong suốt thời gian qua, địa phương không nhận được đơn yêu cầu hòa giải, can thiệp hay bất kỳ phản ánh nào từ phía gia đình hai bên.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã giao đầy đủ các văn bản tố tụng cho các đương sự, tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải

nhưng các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa:

- Chị T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, nội dung đơn xin xét xử vắng mặt: giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Ngô Vượng .1 Về con chung: Chị xin được chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 cháu đến khi các cháu thành niên và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp và đất nông nghiệp, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh V vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, nội dung đơn xin xét xử vắng mặt: Anh đồng ý ly hôn với chị T để cả hai sớm ổn định cuộc sống. Về con chung: Anh xin được chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 cháu đến khi các cháu thành niên và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp và đất nông nghiệp, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Hưng Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, hoạt động thu thập chứng cứ đúng trình tự thủ tục đảm bảo khách quan, Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi, thủ tục tố tụng tại phiên tòa được Hội đồng xét xử tiến hành đảm bảo đúng quy định.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị được ly hôn anh Bùi Ngô Vượng .1 Về con chung, xét điều kiện thực tế và vì lợi ích tốt nhất cho các cháu, đề nghị giao cháu Bùi Tâm A cho chị T nuôi dưỡng, giao cháu Bùi Ngô T1 cho anh V nuôi dưỡng đến khi các cháu thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con chung, không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung, công nợ, công sức, đất nông nghiệp không đặt ra giải quyết. Về án phí, nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thẩm quyền: Xét yêu cầu khởi kiện của chị T về việc xin ly hôn anh Bùi Ngô V; HKTT: thôn H, xã P, tỉnh Hưng Yên. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực

4 - Hưng Yên thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án hôn nhân gia đình là đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định pháp luật.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị T và bị đơn anh Bùi Ngô V, đều vắng mặt và đều có đơn xin xét xử vắng mặt; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là cháu A, cháu T1 và người làm chứng ông Đ vắng mặt nhưng đã có lời khai và đều xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 và Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn thấy:

Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh V được xác lập kể từ ngày đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện V, tỉnh Hưng Yên (*nay là UBND xã P, tỉnh Hưng Yên*) ngày 23/5/2019, đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận. Vợ chồng anh chị chung sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, xung đột. Đặc biệt, anh V thừa nhận bản thân là người nóng tính, hay ghen tuông vô cớ, vợ chồng có va chạm xô xát. Theo lời khai của người làm chứng, anh V có hành vi bạo hành chị T nhiều lần, gây thương tích nghiêm trọng. Từ tháng 8/2025, vợ chồng đã ly thân, đến nay không còn liên lạc, không còn quan tâm đến nhau.

Qua lời khai của các đương sự, lời khai của người làm chứng, kết quả xác minh tại chính quyền địa phương thấy rằng vợ chồng anh chị xảy ra mâu thuẫn kéo dài, không thể hòa giải. Chị T kiên quyết xin ly hôn, anh V mặc dù ban đầu không muốn ly hôn nhưng quá trình giải quyết vụ án anh V đồng ý ly hôn với chị T. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T là chính đáng, phù hợp với thực tế hôn nhân, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị được ly hôn anh V.

[4]. Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Bùi Tâm A, sinh ngày 24/5/2020 và cháu Bùi Ngô T1, sinh ngày 02/8/2022. Hiện cả hai cháu đang ở cùng anh V tại nhà bà nội. Ly hôn, chị T đề nghị được nuôi cả 02 con chung, anh V cũng xin được nuôi cả 02 con chung. Cả hai bên đều không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy: Chị T có việc làm và thu nhập ổn định (kinh doanh hàng ăn với thu nhập khoảng 15.000.000 đồng/tháng), đủ khả năng đảm bảo cuộc sống cho con. Hơn nữa, cháu Bùi Tâm A còn nhỏ, là con gái, việc ở cùng mẹ là phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý, vì trẻ nhỏ giai đoạn này rất cần sự gần gũi, chăm sóc trực tiếp của mẹ.

Cháu Bùi Ngô T1 sinh năm 2022, là con trai. Hiện cháu đang ở cùng anh V tại nhà bà nội, đã quen với môi trường sống hiện tại. Xét thấy anh V cũng có điều kiện để nuôi dưỡng cháu T1, có sự hỗ trợ của bà nội trong việc chăm sóc cháu. Việc giao cháu T1

cho anh V nuôi dưỡng cũng đảm bảo sự cân bằng quyền và nghĩa vụ làm cha mẹ của cả hai bên đối với con chung.

Do vậy, sẽ giao cháu Bùi Tâm A cho chị T và giao cháu Bùi Ngô T1 cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ ngày 06/01/2026 cho đến khi các cháu thành niên đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh V và chị T đều không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

[5]. Về công sức, tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp: Các đương sự đều xác nhận không có gì chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết vấn đề này.

[6]. Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án pháp luật.

[7]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo phần nội dung bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 229; Điều 235; Điều 266; Điều 267 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Luật phí và lệ phí; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Xử:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Bùi Ngô Vượng .1

2.2. Về con chung: Giao cháu Bùi Tâm A, sinh ngày 24/5/2020 cho chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu Bùi Ngô T1, sinh ngày 02/8/2022 cho anh Bùi Ngô V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ ngày 06/01/2026 đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không đặt ra giải.

Sau ly hôn, chị Phạm Thị T và anh Bùi Ngô V đều được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con chung, chị T và anh V đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn.

3. Về công sức, tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp tại biên lai thu tiền số 0002827 ngày 03/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND khu vực 4 – Hưng Yên;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Phụng Công, tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Văn Huấn